TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN CẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2017/HNGĐ-ST
Ngày 15-9-2017
V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đoàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Xuân Thanh;
2. Bà Trần Thị Lãm.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Kim Tươi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu tham gia phiên toà: Ông Lê Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 193/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2017 về việc "Tranh chấp về ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Tổ 1, ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn L, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Tổ 1, ấp L, xã L, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 7 năm 2017 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn - bà Nguyễn Thị V trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phạm Văn L chung sống với nhau từ năm 2004, có đăng ký kết hôn ngày 09 tháng 9 năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến tháng 6 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do ông Lương ghen tuông, chưởi bới bà thậm tệ và sống ly thân từ tháng 6 năm 2017 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn ông Phạm Văn L.
- Về con chung: Không có.
- Về tài sản chung, nợ chung: Đã tự thỏa thuận xong và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra bà Viên không còn yêu cầu hay trình bày gì khác.

Bị đơn - Ông Phạm Văn L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông L xác nhận lời khai của bà V về thời gian chung sống và đăng ký kết hôn như bà V khai là đúng. Tuy nhiên, ông L xác định tình cảm vợ chồng không có gì mâu thuẫn trầm trọng, nên ông không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đã tự thỏa thuận xong và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra ông L không còn yêu cầu hay trình bày gì khác.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung: Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị V; Bà Nguyễn Thị V được ly hôn với ông Phạm Văn L. Về con chung: không có. Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu, nên không giải quyết. Về án phí: Bà Viên phải chịu tiền án phí theo pháp luật quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong ghồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Ông Phạm Văn L tuy vắng mặt, nhưng Tòa án đã tiến hành đúng và đầy đủ thủ tục để bảo đảm cho việc xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà V và ông L kết hôn vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L vào ngày 09-9-2009, được pháp luật thừa nhận. Quá trình chung sống giữa bà V và ông L đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, bà V và ông L đã tự thỏa thuận chia tài sản chung của vợ chồng trước khi yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn; ông, bà đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2017 cho đến nay. Xét thấy, quan hệ giữa bà V và ông L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V về việc tranh chấp về ly hôn với ông Phạm Văn L.

[3] Về con chung: Không có.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Đã tự thỏa thuận xong và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án để buộc các đương sự phải chịu tiền án phí dân sự theo quy định. Buộc nguyên đơn bà Nguyễn Thị V phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền án phí ly hôn. Ông Phạm Văn L không phải chịu tiền án phí ly hôn.

Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu tỉnh Tây Ninh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị V được ly hôn với ông Phạm Văn L.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đã tự thỏa thuận xong và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị V phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai số 0020905 ngày 10 tháng 7 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo Bộ luật Tố tụng dân sự quy định.

Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKS huyện B;
- Các đương sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện B;
- UBND xã L;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Đoàn